TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ BẾN TRE	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẾN TRE	

Bản án số: **28** /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2019

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn''

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Ông Lê Anh Giàu

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Mai Chiến Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa*:

Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị ***Nguyễn Thị Tr***, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp THT, xã TPT, huyện MCB, tỉnh BT (vắng mặt)

2. *Bị đơn*: anh ***Huỳnh Phương V***, sinh năm 1986; nơi cư trú: khu phố L, phường P, thành phố BT, tỉnh BT. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Tr trình bày:

Chị và anh V kết năm 2007, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố Bến Tre tỉnh Bến Tre. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng cũng không được hạnh phúc, thường xuyên cải vả nguyên nhân chính là do kinh tế gia đình từ đó vợ chồng không ai nói tới ai. Hai vợ chồng đã đã ly thân từ

tháng 4/2018 đến nay. Hiện tình cảm của chị đối với anh V không còn. Nay chị cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: có 01 cháu tên Huỳnh Phương Ng, sinh ngày 18/8/2007. Chị đồng ý giao anh V nuôi con, chị không cấp dưỡng.

Tài sản chung: không có

Nợ chung: chị Tr khai không có

Ngày 07/5/2019 chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt với ly do bận công việc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời anh V đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn. Ghi nhận việc chị Tr đồng ý để anh V tiếp tục nuôi con chung chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 25/02/2019 chị Nguyễn Thị Tr có đơn xin ly hôn với anh Huỳnh Phương V, anh V đang cư trú tại thành phố Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo qui định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải nhưng anh V không có mặt theo thông báo hòa giải nên không thể tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cũng đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho anh V để tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V là phù hợp. Bên cạnh đó ngày 07/5/2019 chị

Tr có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr là phù hợp với qui định của pháp luật.

[3] Chị Nguyễn Thị Tr và anh Huỳnh Phương V kết hôn năm 2007, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố Bến Tre tỉnh Bến Tre. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cải vả nguyên nhân chính là do kinh tế gia đình từ đó vợ chồng không ai nói tới ai. Hai vợ chồng đã đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Hiện tình cảm của chị đối với anh V không còn. Nay chị cương quyết xin được ly hôn. Anh V không đến Tòa và anh cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr.

[4] Về con chung: có 01 cháu tên Huỳnh Phương Ng, sinh ngày 18/8/2007. Chị đồng ý để anh V nuôi con, chị không cấp dưỡng. Cháu Ng cũng có nguyện vọng được sống với cha. Do đó nghĩ nên giao cháu Ngân cho anh V nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: chị Tr khai không có

[6] Về nợ chung: chị Tr khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng chị Tr phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56; 57; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tr, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: chị ***Nguyễn Thị Tr*** được ly hôn với anh ***Huỳnh Phương V.***

- *Về con chung*: có 01 cháu tên Huỳnh Phương Ng, sinh ngày 18/8/2007. Anh V được tiếp tục nuôi cháu Ngân. Chị Tr không cấp dưỡng.

Không bên nào được ngăn cản quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: không có

- *Về nợ chung*: chị Tr khai không có nên Tòa không xem xét.

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Tr phải nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000926 ngày 04/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND phường P, thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong